

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày 28/6/2024

V/v Tranh chấp về thừa kế
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 23/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: số 114 T, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1971;

2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960;

Đều có địa chỉ: thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967; địa chỉ: đội 5, thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang;

3.2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

3.3. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 114 T, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3.4. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1988; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Chung cư 7B phòng 603 phố N, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; địa chỉ hiện nay: lao động tại Hàn Quốc.

Có mặt bà L; các đương sự khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn bà Đinh Thị L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Văn Q là vợ chồng. Ông bà có 02 người con chung là chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Nguyễn Văn Tr. Ông Q không có người con riêng, con nuôi nào khác. Năm 2014 ông Q ốm chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L ông Q có khối tài chung là quyền sử dụng đất là thửa số 100, tờ bản đồ số 20, diện tích 160m² đất ở, địa chỉ tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ cho bà L và ông Q ngày 25/12/2002. Hiện tại bà L đang quản lý và sử dụng. Bà L xác định ½ giá trị tài sản trên thuộc quyền sử dụng của bà L, còn ½ giá trị tài sản là di sản thừa kế của ông Q.

Khi ông Q chết thì cụ Nguyễn Văn T (*là bố đẻ của ông Q*) đã chết trước ông Q, chết năm 2013; cụ Phan Thị D (*là mẹ đẻ của ông Q*) còn sống nên cụ D được hưởng thừa kế di sản thừa kế của ông Q. Năm 2019 cụ D chết cũng không để lại di chúc. Cụ T và cụ D có 5 người con chung gồm ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Q (*chồng bà L*). Do đó, ông S, ông Ng, bà Th và bà H là người được hưởng kỹ phần di sản thừa kế mà cụ D được hưởng thừa kế của ông Q.

Sau khi ông Q chết, bà L chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế của ông Q. Nay, bà L có nguyện vọng làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ mang tên ông Q bà L sang tên bà L nhưng không được do ông Ng không ký các giấy tờ thủ tục liên quan đến phân chia di sản thừa kế của ông Q. Bà L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia thừa kế di sản của ông Q để lại cho các hàng thừa kế theo pháp luật là ½ quyền sử dụng đất thửa số 100, tờ bản đồ số 20, diện tích 160m² tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Ông Ng có ý kiến xin nhận kỹ phần thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, bà L không nhất trí vì ông Ng chỉ được nhận một phần trị giá tài sản nhỏ. Bà L đề nghị giao cho bà L được hưởng bằng hiện vật, bà L sẽ trả ông Ng giá trị phần ông Ng được hưởng bằng tiền. Bà L đồng ý xin nhận các kỹ phần thừa kế của chị H1, phần tài sản của ông S, bà H, bà Th cho bà. Do bà nhận

phần lớn là di sản nên bà L tự nguyện chịu án phí đối với phần được hưởng. Đối với chi phí thẩm định, định giá tài sản, bà L tự nguyện chịu toàn bộ.

Bà L nhất trí với kết quả thẩm định, xác định diện tích đất tăng thêm 5,5m² là do sai số đo đạc qua các thời kỳ. Diện tích đất này không tranh chấp với ai. Sau khi thẩm định có đoạn tường gạch cũ đã đổ và 01 cây soài nhỏ bà L đã chặt bỏ và xây tường bao xung quang bằng gạch chỉ để quản lý và bảo vệ đất, phần tường bao mới xây không phải là di sản thừa kế, nếu ai được giao đất có bức tường thì người đó được sở hữu, bà không có ý kiến gì.

Đối với anh Tr (*là con trai bà*) hiện đang lao động tại Hàn Quốc, bà xin nhận thay các văn bản tố tụng của tòa án tổng đạt cho anh Tr, bà đã thông báo cho anh Tr biết. Anh Tr không có đề nghị, yêu cầu gì, ngày 21/12/2022 anh Tr về nước đã làm văn bản từ chối nhận di sản trên. Anh Tr có ý kiến xin Tòa án xét xử vắng mặt vì công việc bận và ủy quyền cho bà nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt. Bà L đồng ý nhận và có trách nhiệm thông báo cho anh Tr nắm được.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng trình bày: Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn C (T), chết năm 2013 và cụ Phan Thị D, chết năm 2019. Hai cụ sinh được 05 người con là Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Q (*chết năm 2014*).

Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà L về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 100, đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Q, bà L. Ông chưa ký các giấy tờ liên quan đất cát cho gia đình bà L vì liên quan đến thửa đất khác mà có nguồn gốc bố mẹ ông để lại hiện ông đang quản lý, sử dụng; ông cũng mong muốn làm giấy tờ đất nhưng anh Tr là con trai bà L chưa ký các thủ tục cho ông nên ông chưa ký các giấy tờ cho gia đình bà L. Đối với quyền lợi của ông liên quan đến thửa đất của ông Q bà L, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu được hưởng, ông xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là con của cụ D và cụ T, về quan hệ gia đình như ông Ng trình bày là đúng. Liên quan đến quyền lợi của bà đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 20 của vợ chồng ông Q bà L, bà Th xác định đây là tài sản của ông Q bà L. Hiện ông Q đã mất, cụ D mất sau ông Q. Đối với phần di sản thừa kế cụ D được hưởng của ông Q, quyền lợi của bà H được hưởng sẽ tặng cho bà L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, gồm:

Chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Chị là con gái của bà L và ông Q, đối với kỹ phần thừa kế chị được hưởng của ông Q, chị xin được hưởng và tặng cho bà Đinh Thị L.

Anh Nguyễn Văn Tr có văn bản trình bày: Anh là con của bà L và ông Q, đối với kỹ phần thừa kế anh được hưởng của ông Q, anh từ chối nhận.

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ông S, bà Th là con của cụ D và cụ T, về quan hệ gia đình như ông Ng trình bày là đúng. Liên quan đến quyền lợi của ông, bà được hưởng đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 20 do ông Q chết, cụ D chết sau ông Q. Ông S, bà Th xác định đây là tài sản của ông Q bà L. Ông S, bà Th có ý kiến tặng cho bà Đinh Thị L được hưởng.

Kết quả thẩm định tại chỗ, xác định: thửa đất số 100, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ ngày 25/12/2002 mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Đinh Thị L có diện tích là 165,5m² (*theo Giấy chứng nhận, diện tích là 160m²*) tăng 5,5m² là do sai số trong đo đạc. Kết quả định giá tài sản: Giá đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 20 có giá: 3.240.000đ/m² đất ở.

Tại phiên toà:

Bà L giữ nguyên quan điểm như trên và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà thực hiện đúng thủ tục tố tụng; đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L. Xác định phần di sản của ông Q để lại là 82,75m² trị giá 268.110.000 đồng. Anh Tr từ chối nhận di sản nên chia di sản thừa kế của ông Q cho 3 người gồm cụ D, bà L và chị H1. Mỗi người được hưởng 27,58m² đất trị giá 89.370.000 đồng. Phần tài sản cụ D được hưởng chia cho 4 người gồm ông S, ông Ng, bà Th, bà H; mỗi người được hưởng 6,9m² đất trị giá 22.340.000 đồng. Chị H1, ông S, bà H và bà Th tặng cho bà L tài sản được hưởng nên cần giao toàn bộ diện tích 82,75m² trị giá 268.110.000 đồng cho bà L, bà L trả cho ông Ng trị giá bằng tiền là 22.340.000 đồng. Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, có người đề nghị giải quyết vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, vụ án có đương sự là anh Nguyễn Văn Tr hiện đang cư trú, lao động tại Hàn Quốc. Đây là vụ án

Tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập, đủ căn cứ xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Q, gồm: cụ Phan Thị D; bà Đinh Thị L, chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Nguyễn Văn Tr. Các đương sự đều xác nhận, ông Q và bà L là người đứng tên và sử dụng hợp pháp thửa đất số 100 tờ bản đồ số 20, diện tích 160m² (theo hiện trạng thẩm định là 165,5m², tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương), trị giá 536.220.000 đồng. Đây là tài sản chung hợp nhất của ông Q và bà L, chưa được phân chia. Tài sản vẫn do bà L quản lý. Bà L không yêu cầu tính công sức về quản lý, duy trì và phát triển thửa đất của ông Q và bà L nên Tòa án không xét. Tài sản của bà L là 1/2 giá trị tài sản trong khối tài sản chung với ông Q là 82,75 m² trị giá là 268.110.000 đồng. Ông Q chết năm 2014 không để lại di chúc. Di sản thừa kế của ông Q là 1/2 giá trị tài sản trong khối tài sản chung với bà L = 82,75 m² trị giá là 268.110.000 đồng.

[4] Anh Nguyễn Văn Tr từ chối nhận di sản thừa kế của ông Q nên di sản của ông Q được chia thừa kế theo pháp luật, chia cho 03 kỹ phần, gồm cụ Phan Thị D, bà Đinh Thị L và chị Nguyễn Thị Thu H1. Mỗi kỹ phần được hưởng 27,583 m², trị giá là 89.370.000 đồng.

[5] Chị H1 giao kỹ phần thừa kế cho bà L được hưởng. Đối với kỹ phần thừa kế của cụ D, do cụ D chết năm 2019 nên ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị H được hưởng. Chia theo phần, ông S, ông Ng, bà Th và bà H mỗi người được hưởng 6,896m² trị giá 22.342.500 đồng. Ông S, bà Th và bà H giao phần tài sản được hưởng cho bà L. Như vậy, bà L được hưởng là 75,854, m², trị giá 245.767.500 đồng.

[6] Về giao hiện vật, quyền sử dụng đất là tài sản chung hợp nhất của bà L ông Q, sau khi ông Q chết do bà L quản lý, sử dụng. Ông Ng được hưởng 6,896m² trị giá 22.342.500 đồng, còn các đương sự khác đều tặng cho bà L được hưởng tài sản nên việc chia bằng hiện vật bằng quyền sử dụng đất cho ông Ng là không phù hợp. Vì vậy, Tòa án giao di sản thừa kế của ông Q cho bà L được nhận bằng hiện vật. Bà L có nghĩa vụ trả giá trị kỹ phần thừa kế cho ông Ng bằng tiền là 22.342.500 đồng.

[7] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà L tự nguyện chịu chi phí là 6.500.000 đồng, bà L đã nộp đủ.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, ghi nhận việc bà L tự nguyện chịu thay án phí dân sự sơ thẩm cho chị H1, bà Th và ông S. Bà H là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 157 và 165, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 611, 612, 613, 620, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L.

2. Xác nhận 1/2 quyền sử dụng đất tại thửa số 100, tờ bản đồ số 20 tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương trong khối tài sản chung với ông Q là tài sản của bà Đinh Thị L

3. Xác nhận di sản thừa kế của ông Q là 1/2 quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung (*165,5 m² đất*) với bà L = 82,75 m², trị giá 268.110.000 đồng, tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 20 tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Ghi nhận việc anh Tr từ chối nhận di sản. Chia thừa kế cho 03 kỹ phần, gồm cụ Phan Thị D; bà Đinh Thị L và chị Nguyễn Thị Thu H1. Mỗi kỹ phần được hưởng 27,583 m², trị giá là 89.370.000 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H1 tặng kỹ phần thừa kế được hưởng cho bà L.

5. Kỹ phần thừa kế của cụ Phan Thị D do ông S, ông Ng, bà H và bà Th, mỗi người được hưởng là 6,896m² đất trị giá 22.342.500 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S, bà H và bà Th tặng phần tài sản được hưởng cho bà L được quyền sử dụng.

6. Về giao hiện vật: Giao cho bà L được quản lý, sử dụng 165,5m² đất và được sở hữu các tài sản trên phần đất được giao. Có sơ đồ kèm theo.

7. Về trả chênh lệch giá trị tài sản: Bà L phải trả cho ông Ng giá trị tài sản chênh lệch là 22.342.500 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.171.250 đồng, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai số: AA/2023/0001214 ngày 17/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương; bà L còn phải nộp 9.671.250 (*làm tròn 9.671.000*) đồng. Ông Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.117.125 (*làm tròn 1.117.000*) đồng

Đương sự, người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn